

PHÂN NHIỆM GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CDR CỦA CTĐT

TT	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT									
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3
1	NUR21001	Nhập môn ngành Điều dưỡng		√			√		√		√	
2	NUR30028	Sinh học và di truyền		√			√	√			√	
3	NUR30029	Hóa học		√			√	√				
4	NUR20018	Tin học ứng dụng trong y học		√			√		√			
5	NUR30030	Nghiên cứu và thống kê y học		√		√	√					
6	POL11001	Triết học Mác-Lênin	√				√					
7	ENG10001	Ngoại ngữ 1 (Anh, Đức, Nhật)					√		√			
8	NUR30031	Giải phẫu lâm sàng		√			√	√		√	√	
9	NUR20005	Hóa sinh y học		√			√	√				
TT	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT									
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3
10	NUR30010	Điều dưỡng cơ sở I			√	√	√	√		√		√
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối QPAN)										
	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)										
	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)										
	NAP10004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)										
	SPO10001	Giáo dục thể chất										
11	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	√				√					
12	ENG10002	Ngoại ngữ 2 (Anh, Đức, Nhật)					√		√			
13	NUR30032	Sinh lý người		√			√			√		
14	NUR30011	Điều dưỡng cơ sở II			√	√	√	√		√		√
15	NUR30033	Mô phôi		√			√			√		
16	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	√				√					
17	NUR20004	Tâm lý đạo đức y học		√		√	√		√			
18	NUR31006	Dược lý		√			√	√				

19	NUR31012	Điều dưỡng bệnh nội khoa			√	√	√	√		√		√
20	NUR31008	Vi sinh - Dịch tễ học		√			√					
21	NUR31003	Ký sinh trùng		√			√	√				
22	NUR30004	Sinh lí bệnh - miễn dịch		√			√					
23	NUR31013	Điều dưỡng bệnh ngoại khoa			√	√		√	√	√		√
24	NUR31009	Y học cổ truyền			√	√	√					
25	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam					√					
26	NUR31007	Dinh dưỡng - Tiết chế		√			√	√				
27	NUR30002	Lí sinh học		√			√	√				√
28	NUR30014	Điều dưỡng cấp cứu và điều trị tích cực			√	√	√	√				
29	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh					√					
30	NUR31017	Điều dưỡng phụ sản			√			√	√	√	√	
TT	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT									
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3
31	NUR30018	Điều dưỡng nhi			√		√	√	√			√
32	NUR31021	Điều dưỡng truyền nhiễm			√		√		√	√		√
33	NUR31025	Quản lý điều dưỡng			√	√	√	√		√		√
34		Tự chọn 1			√		√		√	√		
35		Tự chọn 2			√		√	√	√	√		
36		Tự chọn 3			√	√	√	√		√		
37		Tự chọn 4			√	√	√	√		√		
38	NUR31027	Đồ án và thực tập tốt nghiệp			√	√		√			√	√

Tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần)

1	NUR20002	Sức khỏe môi trường			√		√		√	√		
2	NUR20003	Giáo dục sức khỏe			√		√		√	√		

Tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 học phần)

1	NUR30019	Chăm sóc người bệnh HIV/AIDS			√		√	√	√	√		
---	----------	------------------------------	--	--	---	--	---	---	---	---	--	--

2	NUR30020	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi			√		√	√	√	√		
---	----------	----------------------------------	--	--	---	--	---	---	---	---	--	--

Tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 học phần)

1	NUR30024	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng			√	√	√	√		√		
2	NUR30023	Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng			√	√	√	√		√		

Tự chọn 4 (chọn 1 trong 2 học phần)

1	NUR31015	Chăm sóc sức khỏe gia đình			√	√	√	√		√		
2	NUR31022	Chăm sóc sức khỏe tâm thần			√	√	√	√		√		